**TOÀ ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU**
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **52/2018**/HNGĐ-ST
**Ngày 20/8/2018**
V/v tranh chấp ***"Ly hôn"***

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hồng Hải.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sanh
Ông Nguyễn Xuân Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

**Ngày 20/8/2018**, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/5/2018 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà **Phạm Thị Thùy V.;** sinh năm 1988.
Trú tại: K03/36 – PhTT, q.HC, thành phố ĐN, có mặt.

**** Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Lê D.**, sinh năm 1988.
Trú tại: K58/49 –OIK, q. HC, thành phố ĐN, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn – bà Phạm Thị Thùy V. trình bày:* Tôi (V.) và anh Nguyễn Lê D. kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ThB, quận HC, thành phố ĐN, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại K03/36 – K03/36 – PhTT, q.HC, thành phố ĐN. Trong quá trình chung sống đến khoảng tháng 9 năm 2017 thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh D. không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác, hay nhậu nhẹt say xỉn. Không quan tâm đến vợ con, lo lắng xây dựng hạnh phúc gia đình, khiến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù cả hai bên gia đình cũng đã khuyên nhủ nhưng vẫn không cải thiện được. Tôi và anh D. cũng đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn nhưng sau đó anh D. rút đơn và Tòa án đình chỉ việc yêu cầu. Nay tôi xác định về tình cảm không còn thương yêu anh D. nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

*Về con chung:* Tôi (V.) và anh D. có 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Thùy D., sinh ngày 19/02/2016. Ly hôn tôi yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu anh D. cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

*Về tài sản chung, nợ chung:* Tôi và anh Nguyễn Lê D. không có tài sản chung và cũng không ai nợ nần vợ chồng tôi.

**** Bị đơn - anh Nguyễn Lê D. trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Tôi (D.) thống nhất với lời trình bày của cô Phạm Thị Thùy V. về thời điểm và nơi đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống theo tôi thì vợ chồng có những xích mích, mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống. Tuy nhiên, vợ chồng tôi vẫn sống rất hòa thuận, hầu như không có gì xảy ra để làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của vợ chồng tôi. Vào khoảng cuối năm 2016 tôi có quen biết ngoài xã hội với 01 cô gái đến khoảng tháng 9 năm 2017 thì chị V. phát hiện, tôi nghỉ rằng quan hệ giữa chúng tôi chỉ là bình thường, sau khi bị phát hiện cô V. cũng đã cho tôi cơ hội sửa chữa để vợ chồng cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống, tuy nhiên vì bản thân tôi thấy cũng có lỗi với cô V. nên vợ chồng cũng có lúc lời qua tiếng lại nên vợ tôi đã làm đơn khởi kiện về việc ly hôn.

Nay tôi xác định tôi và cô V. vẫn còn tình cảm yêu thương, bản thân tôi công tác trong lực lượng vũ trang, tôi vẫn làm tròn trách nhiệm người chồng người cha trong gia đình, khả năng hàn gắn là có thể, tôi vẫn hy vọng cô V. không vì cố chấp mà tha thứ và thời gian sẽ làm nguôi ngoa mọi chuyện để hai vợ chồng tôi lại tìm được tiếng nói chung và cùng nhau vun đắp hạnh phúc. Nguyện vọng của tôi mong muốn Tòa án xem xét cho tôi được đoàn tụ gia đình với cô V. để nuôi dạy, chăm sóc con cái. Tôi mong muốn được đoàn tụ gia đình.

*Về con chung:* Tôi (D.) và cô V. có 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Thùy D., sinh ngày 19/02/2016 hiện đang ở với cô V. và tôi. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn tôi đồng ý giao con chung cho cô V. là người trực tiếp nuôi dưỡng, tôi sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 25.000.000đ cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

*Về tài sản chung, nợ chung:* Tôi và cô V. không có tài sản chung và cũng không ai nợ nần vợ chồng tôi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Bà Phạm Thị Thùy V. và ông Nguyễn Lê D. kết hôn với nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ThB, quận HC, thành phố ĐN hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà V. là do ông D. không chung thủy có quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác, hay nhậu nhẹt say xỉn. Không quan tâm đến vợ con, lo lắng xây dựng hạnh phúc gia đình, khiến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mặc dù cả hai bên gia đình cũng

đã khuyên nhủ nhưng vẫn không cải thiện được. Nay bà V. xác định về tình cảm không còn thương yêu ông D. nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của bà Phạm Thị Thùy V., HĐXX thấy rằng: Vợ chồng chung sống với nhau cần phải có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chia sẽ và cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên, đối với trường hợp của ông bà thì từ tháng 9 năm 2017 đến nay vợ chồng cũng có xích mích, mẫu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức trầm trọng, bản thân ông Nguyễn Lê D. cũng nhận thấy việc sai trái của mình và mong muốn cả hai vợ chồng cùng hàn gắn để hòa hợp, xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái, ông D. xác định vẫn đang còn tình cảm yêu thương bà V. và luôn làm tròn trách nhiệm người chồng, người cha trong gia đình, ông hy vọng bà V. tha thứ và thời gian sẽ làm nguôi ngoa mọi chuyện để hai vợ chồng ông bà lại tìm được tiếng nói chung. Nguyện vọng của ông D. mong muốn Tòa án xem xét để vợ chồng được đoàn tụ gia đình với bà V.. Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý cho đến khi giải quyết vụ đến nay ông D. vẫn tha thiết mong được đoàn tụ gia đình, điều đó chứng tỏ ông Duy vẫn còn mặn mà tha thiết, đoàn tụ với bà V.

Theo biên bản xác minh ngày 09/8/018 của Tòa án thì bà V và ông D. vẫn đang cư trú tại địa chỉ trên và địa phương thấy không có vấn đề gì mâu thuẫn. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông D. xác định vẫn còn tình cảm yêu thương, ông vẫn hy vọng bà V. tha thứ và thời gian sẽ làm nguôi ngoa mọi chuyện để hai vợ chồng ông bà tìm được tiếng nói chung và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Xét yêu cầu được đoàn tụ của ông D. thì việc đoàn tụ và khả năng hàn gắn là có thể. Do vậy, để bà V. và ông D. có thêm cơ hội hàn gắn hạnh phúc, cho con chung có một gia đình trọn vẹn đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất của con chung nên HĐXX thấy không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thùy V. đối với ông Nguyễn Lê D. là phù hợp.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thùy V. nên về con chung, tài sản chung và nợ chung HĐXX không đề cập.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phạm Thị Thùy V. đối với ông Nguyễn Lê D.; Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ do đó cần chấp nhận.

Án phí hôn nhân gia đình bà Phạm Thị Thùy V. phải chịu theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng Điều 21, 25, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**<u>Xử</u>:** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Phạm Thị Thùy V. đối với ông Nguyễn Lê D..

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đ chị Phạm Thị Thùy V. phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003314 ngày 18/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**<u>Nơi nhận</u>:**
**ĐỒNG XÉT XỬ**
*- Các đương sự (theo địa chỉ);*
**tọa phiên tòa**
*- Viện kiểm sát ND q. Hải Châu;*
*- Chi cục THADS q. Hải Châu;*
*- Lưu Hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI**

**Thẩm phán - Chủ**

**Vũ**

**Hồng Hải**